| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày: 21-9-2023
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Võ Thị Lê.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà 111/1A, ấp T, xã Xuân Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: tổ 4, khu phố L, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương*;* vắng mặt.

*3. Người làm chứng:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1990; địa chỉ: 18Bis/30d K, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:* Thống nhất với kết quả giám định tại bản Kết luận giám định số 297/1/KL-KTHS (ĐV) ngày 17/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/3/2022, bà Nguyễn Thị S có vay của ông Nguyễn Văn Q số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng). Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền bằng giấy tay, với thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày hai bên ký hợp đồng, mục đích vay để bà S mua đất. Sau khi ký hợp đồng vay thì ông Q đã giao đủ cho bà S số tiền 1.800.000.000 đồng bằng tiền mặt. Việc giao nhận tiền cũng được thể hiện bằng Biên bản giao nhận tiền ký cùng ngày và có người làm chứng là ông Nguyễn Tấn T. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền nhưng bà S không thực hiện như đã thoả thuận. Ông Q đã liên hệ nhiều lần yêu cầu bà S trả số tiền 1.800.000.000 đồng nhưng bà S cố tình né tránh không trả nợ. Do đó, ông Q đã nộp đơn khởi kiện đến Toà án.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 18/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 12 tháng) là 162.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà S có nghĩa vụ trả cho ông Q là 1.962.000.000 đồng (một tỷ chín trăm S mươi hai triệu đồng).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng vay tiền ngày 17/3/2022 và Biên bản giao nhận tiền ngày 17/3/2022 giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị S.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị S theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người làm chứng ông Nguyễn Tấn T trình bày:* Ông T không có mối quan hệ gì với ông Q và bà S. Ngày 17/3/2022, ông T có chứng kiến việc ông Q có cho bà S vay số tiền 1.800.000.000 đồng; việc vay mượn tiền diễn ra tại nhà riêng của ông Q và có lập Hợp đồng vay tiền ngày 17/3/2022. Sau khi bà S kiểm đếm đủ số tiền 1.800.000.000 đồng từ ông Q thì có ký vào Biên bản giao nhận tiền ngày 17/3/2022. Đồng thời, ông T cũng ký tên vào các văn bản này với tư cách là người làm chứng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền là 1.962.000.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc 1.800.000.000 đồng và tiền lãi là 162.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là Hợp đồng vay tiền và Biên bản giao nhận tiền ngày 17/3/2022 đều có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bị đơn. Theo Kết luận giám định số 297/1/KL-KTHS (ĐV) ngày 17/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương thì dấu vân tay trong các

tài liệu giám định là của cùng một người in ra (tức là của bị đơn bà Nguyễn Thị S). Do đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 1.800.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tải sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng vay tiền ngày 17/3/2022 xác định bị đơn cư trú tại tổ 4, khu phố L, phường K, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả với lãi suất 0,75%/tháng là 162.000.000 đồng; tổng số tiền là 1.962.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Theo chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án xác định vào ngày 17/3/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị S có vay của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có lập "Hợp đồng vay tiền" ngày 17/3/2022 với nội dung: "…Bên A (là ông Q) đồng ý cho bên B (là bà S) vay và bên B đồng ý vay của bên A số tiền 1.800.000.000 Việt Nam đồng… thời hạn vay là 06 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng vay tiền này; mục đích vay mua đất …". Việc giao nhận tiền vay cũng được lập thành văn bản "Biên bản giao nhận tiền"

ghi cùng ngày 17/3/2022 với nội dung "…Bên B (là ông Q) đã thanh toán số tiền cho bên A (bà S) là 1.800.000.000 VNĐ…".

Tại mục "Bên B" của Hợp đồng vay tiền ngày 17/3/2022 và tại mục "Bên nhận tiền" ngày 17/3/2022 đều có chữ ký, họ tên và dấu vân tay của bị đơn bà Nguyễn Thị S. Theo Kết luận giám định số 297/1/KL-KTHS (ĐV) ngày 17/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: "Hai (02) dấu vân tay mang tên "Nguyễn Thị S" dưới mục "Bên B" và "Bên nhận tiền" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 và A2) so với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của Nguyễn Thị S trên "Tờ khai chứng minh nhân dân" và "Chỉ bản" vân tay…là của cùng một người in ra". Như vậy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là có thật và phù hợp với lời khai của người làm chứng. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn chưa trả tiền vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ với số tiền vay 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả. Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/3/2022, hai bên có thoả thuận "…thời hạn vay là 06 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng vay tiền này…; lãi suất: hai bên tự thoả thuận…". Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa trả cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ; về trả lãi các bên tuy có thoả thuận nhưng không xác định rõ lãi suất. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả với lãi suất 0,75%/tháng, kể từ ngày 18/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2023) với số tiền 162.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí giám định: Chi phí giám định là 6.000.000 đồng *(S triệu đồng);* nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng *(S triệu đồng)*. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải nộp số tiền 6.000.000 đồng *(S triệu đồng)* để trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 92, 147, 161, 217, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 463, 466, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 1.962.000.000 đồng *(một tỷ chín trăm S mươi hai triệu đồng)*; trong đó, tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng và tiền lãi là 162.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Trả lại ông Nguyễn Văn Q số tiền 36.880.000 đồng *(ba mươi S triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)* đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005906 ngày 15/12/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Thị S phải chịu 70.860.000 đồng *(bảy mươi triệu tám trăm S mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng:

+ Chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 6.000.000 đồng (*S triệu đồng*) để trả lại cho ông Nguyễn Văn Q.

+ Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều*

*6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Lê**